

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 4 - 2018
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Minh Tấn

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Len là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2018/TLPT- HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 về việc xin ly hôn.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 06/2017/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2018/QĐPT-DS ngày 06 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: xã TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chị L: Ông Hồ Nguyên Lễ, là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Tín Nghĩa thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: xã TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Chí P (Vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Ngọc B (Vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Văn A (Vắng mặt)

4. Bà Trần Ngọc L (Vắng mặt)

5. Anh Nguyễn Bá N (Vắng mặt)

6. Chị Nguyễn Thanh T (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: xã TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

7. Ông Nguyễn Văn B (Vắng mặt)

8. Bà Phạm Thị D (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: xã TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

9. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện TB.

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Ngọc L và anh Nguyễn Văn U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo chị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh U kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/12/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chung sống không có hạnh phúc nên vợ chồng ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay. Chị L yêu cầu xin ly hôn với anh U.

Về con chung: Chị L và anh U có hai con chung: Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 21/4/2006 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 04/10/2012, chị L đang nuôi dưỡng. Chị Lyêu cầu được nuôi hai con chung và yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi hai con đến khi trưởng thành mỗi cháu mỗi tháng 650.000 đồng,

Về tài sản chung: Chị L và anh U có các tài sản gồm: Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện TB 630.000.000 đồng, do anh U đứng tên người gửi; 30 chỉ vàng 24k và 100.000.000 đồng, do anh U quản lý; 01 phần đất nuôi tôm diện tích 14.440 m², tọa lạc tại ấp 3, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, do chị L và anh U đứng tên quyền sử dụng đất; 01 chiếc xe máy hiệu Jupiter biển số 69D1-154.08, do chị đứng tên đăng ký và quản lý. Chị L yêu cầu phân chia chị và anh U mỗi người hưởng ½ trong tổng số tiền 730.000.000 đồng (gồm tiền gửi Ngân hàng và tiền anh U quản lý). Đối với các tài sản khác gồm: 01 phần đất có diện tích 14.440m², 01 chiếc xe máy hiệu Jupiter biển số 69D1-154.08 và 30 chỉ vàng 24k, chị L và anh U tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo anh U trình bày: Anh U thống nhất với trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân và con chung.

Về tài sản chung, anh U xác định giữa anh và chị L có các tài sản như sau: Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện TB 190.000.000 đồng, hiện anh U đã rút chi xài hết; 32 chỉ vàng (gồm 27 chỉ vàng 24k và 05 chỉ vàng 18k) và trên 200.000.000 đồng, do chị L quản lý; số tiền cho thuê đất và thu nhập từ nuôi cá bống tượng 90.000.000 đồng, lúc anh và chị L còn chung sống đã chi xài trong gia đình hết 80.000.000 đồng, chỉ còn lại 10.000.000 đồng do anh quản lý, nhưng anh đã chi xài hết; 01 phần đất nuôi tôm diện tích 14.440 m², tọa lạc tại ấp 3, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, do anh và chị L đứng tên quyền sử dụng đất; 01 chiếc xe máy hiệu Jupiter biển số 69D1-154.08, do chị L đứng tên đăng ký và đang quản lý.

Về hôn nhân, anh U đồng ý ly hôn với Chị L. Về con chung anh thống nhất giao cho chị L nuôi hai con chung và anh cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu chị L đặt ra. Về tài sản chung, anh U yêu cầu phân chia phần đất nuôi tôm diện tích 14.440 m² theo quy định pháp luật. Đối với số tiền gửi Ngân hàng và số tiền anh

quản lý, hiện anh đã chi xài hết nên anh không chấp nhận phân chia; các tài sản còn lại anh và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo anh Nguyễn Chí P và chị Nguyễn Ngọc B trình bày: Anh chị xác định vào ngày 17/5/2015 (dương lịch) anh chị có thuê của anh U phần đất nuôi tôm diện tích khoảng 19 công (tầm 3 mét), tọa lạc tại ấp 3, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, thời gian thuê là 02 năm (từ ngày 17/5/2015 đến ngày 17/5/2017), giá thuê 02 năm là 76.000.000 đồng; anh chị đã trả đủ tiền thuê đất trong 02 năm cho anh U nhận. Trường hợp anh U và chị L yêu cầu đòi lại đất khi chưa hết thời gian thuê theo hợp đồng thì anh chị yêu cầu anh U và chị L trả lại tiền thuê đất là 76.000.000 đồng.

Theo ông Nguyễn Văn A và bà Trần Ngọc L trình bày: Ông bà xác định vào khoảng năm 2014 ông bà có đưa cho anh U (con của ông bà) số tiền là 510.000.000 đồng để anh U đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện TB. Ông bà thường đưa tiền cho anh U gửi tại Ngân hàng nhiều lần, có khi số tiền lên đến 700.000.000 đồng, số tiền này có nguồn gốc của ông bà tích lũy từ thu nhập trồng mía và nuôi tôm hàng năm mà có. Lý do ông bà đưa tiền cho anh U gửi tại Ngân hàng là do ông bà lớn tuổi đi lại khó khăn, anh U sống chung với gia đình và đồng thời anh U đang làm việc tại Ngân hàng nói trên nên để anh U đứng tên thì sẽ đạt được chỉ tiêu huy động vốn hàng năm. Hiện tại anh U đã rút toàn bộ số tiền gửi nói trên trả lại cho ông bà, nhưng ông bà không nhớ rõ thời gian trả vì anh U rút nhiều lần trả cho ông bà.

Theo anh Nguyễn Bá N và chị Nguyễn Thanh T trình bày: Anh chị xác định vào khoảng năm 2014 anh chị có đưa cho anh U (em chị Thoảng) số tiền là 200.000.000 đồng để anh U đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện TB. Anh chị đưa số tiền trên cho anh U gửi tại Ngân hàng nhiều lần, số tiền này có nguồn gốc của anh chị tích lũy từ thu nhập nuôi tôm mà có. Lý do anh chị đưa tiền cho anh U gửi tại Ngân hàng là do anh U đang làm việc tại Ngân hàng nói trên nên để anh U đứng tên thì sẽ đạt được chỉ tiêu huy động vốn hàng năm. Hiện tại anh U đã rút toàn bộ số tiền gửi nói trên trả lại cho anh chị, nhưng anh chị không nhớ rõ thời gian trả vì anh U rút nhiều lần trả cho anh chị.

Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 01/3/2017, vợ chồng ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị D trình bày: Vào năm 2010, ông bà có cho vợ chồng anh U và chị L (chị L là con của ông bà) mượn phần đất nuôi tôm diện tích 08 công, tọa lạc tại ấp 3, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Sau đó anh U cho vợ chồng anh Phải và chị Bích thuê phần đất này. Ông bà yêu cầu anh U và chị L trả lại cho ông bà phần đất mượn nói trên. Ngày 06/3/2017, ông B và bà D có đơn rút lại toàn bộ khởi kiện yêu cầu độc lập đối với anh U và Chị L.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 06/2017/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định:

Áp dụng: Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c, đ khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân

sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc L và anh Nguyễn Văn U.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận nuôi con giữa chị Nguyễn Ngọc L và anh Nguyễn Văn U.

2.1. Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 21/4/2006 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 04/10/2012 cho chị Nguyễn Ngọc L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Ngọc H và cháu Nguyễn Minh H mà không ai được cản trở.

2.2. Anh Nguyễn Văn U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc H và cháu Nguyễn Minh H mỗi cháu hàng tháng là 650.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 20/6/2016 cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

3. Về chia tài sản chung: Chia cho chị Nguyễn Ngọc L và anh Nguyễn Văn U mỗi người được sở hữu $\frac{1}{2}$ trong tổng số tiền chung là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám chục triệu đồng).

3.1. Anh Nguyễn Văn U được tiếp tục sở hữu số tiền được chia nói trên là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn chục triệu đồng).

3.2. Anh Nguyễn Văn U phải thanh toán lại cho chị Nguyễn Ngọc L số tiền được chia nói trên là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn chục triệu đồng).

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc L và anh Nguyễn Văn U chia tài sản chung phần đất vuông có diện tích 14.440 m², tọa lạc tại ấp 3, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, 01 chiếc xe máy hiệu Jupiter biển số 69D1-154.08 và 30 chỉ vàng 24k chị L cho rằng anh U quản lý.

5. Không xem xét giải quyết khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Văn D yêu cầu anh Nguyễn Văn U và chị Nguyễn Ngọc L trả lại phần đất mượn có diện tích 08 công, tọa lạc tại ấp 3, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

6. Về án phí: Chị L chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 200.000 đồng. Anh U chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 200.000 đồng. Chị L và anh U mỗi người chịu án phí có giá ngạch đối với giá trị phần tài sản được chia là 7.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản án phí chị L và anh U mỗi người phải chịu là 7.200.000 đồng. Ngày 28/6/2016, chị L nộp tạm ứng án phí là 11.600.000 đồng theo biên lai thu số 03450 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ, chị L được nhận lại số tiền là 4.400.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo.

Ngày 27/11/2017, chị Nguyễn Ngọc L có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét phân chia đôi phần tài sản chung mỗi người được hưởng số tiền 485.000.000 đồng.

Ngày 29/11/2017, anh Nguyễn Văn U có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không đồng ý phân chia số tiền mặt 90.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị L, anh U giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; anh U yêu cầu xem xét lại thời hạn cấp dưỡng nuôi con, vì anh cho rằng từ khi ly thân

đến nay anh vẫn nuôi con nhưng buộc cấp dưỡng từ ngày 20/6/2016 là không hợp lý.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L phát biểu: Ban đầu khởi kiện, chị L yêu cầu chia số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng 630.000.000 đồng; do anh U là người nắm giữ tài chính chi tiêu trong gia đình, khi gửi tiền, rút tiền không trao đổi với Chị L; trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cung cấp bản kê khai tài sản thu nhập thể hiện số tiền gửi tiết kiệm 880.000.000 đồng, số tiền vượt hơn có thể do anh U có thu nhập thêm, phần thu nhập thêm này cũng được xem là tài sản chung của vợ chồng nên cũng được phân chia. Căn cứ vào Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình nên số tiền này được chia đôi. Đối với số tiền anh U quản lý 90.000.000 đồng, anh U không chứng minh được chi tiêu chung trong gia đình; đây là tài sản chung nên được chia đôi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Chị L, sửa bản án sơ thẩm về phân tài sản: Phân chia cho chị L được hưởng số tiền 485.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của chị L và anh U; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của chị Nguyễn Ngọc L, anh Nguyễn Văn U Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị L cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng có tài sản chung số tiền 980.000.000 đồng (gồm tiền gửi Ngân hàng là 880.000.000 đồng do anh U đứng tên và tiền cho thuê đất, nuôi cá bống tượng và nuôi tôm 100.000.000 đồng anh U quản lý); chị L yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ số tiền này. Anh U xác định số tiền chỉ có 280.000.000 đồng (gồm tiền anh đứng tên gửi Ngân hàng 190.000.000 đồng và tiền thu nhập cho thuê đất, nuôi cá bống tượng anh giữ 90.000.000 đồng), nhưng anh U cho rằng toàn bộ số tiền này anh đã chi xài hết nên không chấp nhận phân chia.

[2] Xét về khoản tiền anh U gửi tại Ngân hàng thấy rằng: Theo Công văn số 04/2016/CV-NHNNTB ngày 02/8/2016 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện Thới Bình cung cấp thông tin và sổ tiết kiệm của anh U thể hiện số dư tiền gửi của anh U tại Ngân hàng tại 04 tài khoản tiền gửi tiết kiệm tổng số tiền là 190.000.000 đồng. Công văn số 05/2016/CV-NHNNTB ngày 25/11/2016 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện TB cung cấp thông tin thể hiện từ ngày 12/11/2008 đến ngày 14/11/2016, anh U liên tiếp có nhiều lần giao dịch gửi tiền và rút tiền tại nhiều tài khoản khác nhau tại Ngân hàng, các lần giao dịch gửi tiền và rút tiền với thời gian rất ngắn (trong ngày gửi tiền nhiều lần hoặc các lần gửi và rút tiền chỉ cách nhau 1 – 2 ngày); đến thời điểm chị L khởi kiện thì anh U chỉ còn gửi tại Ngân hàng số tiền 190.000.000 đồng. Đối chiếu về thời gian, số tiền gửi tiết kiệm do chị L kê

khai tại đơn yêu cầu ngày 19/10/2016 hoàn toàn không trùng khớp với các thông tin do Ngân hàng cung cấp. Do đó, việc chị L cho rằng khi gửi tiền chị có ghi chép theo dõi số tiền gửi 630.000.000 đồng là không có cơ sở. Đối với việc chị L căn cứ theo bản kê khai tài sản, thu nhập của anh U vào năm 2014 để xác định số tiền anh U gửi tại Ngân hàng 880.000.000 đồng; tại phiên tòa, lý giải vấn đề này anh U cho rằng số tiền kê khai nói trên có một phần của người thân trong gia đình là ông A, bà L (cha mẹ của anh) và anh N, chị T (anh chị của anh), vì anh là cán bộ ngân hàng và đang sống chung với cha mẹ anh, nên những người này nhờ anh đứng tên gửi giùm, đồng thời cũng để đạt chỉ tiêu huy động vốn hàng năm mà Ngân hàng giao cho anh; ông A, bà L và anh N, chị T cũng thừa nhận việc này. Mặt khác, qua xem xét các bản kê khai tài sản, thu nhập của chị L và anh U xét thấy: Đối với Chị L, các bản kê khai tài sản, thu nhập hàng năm từ năm 2009 đến 2015 không thể hiện có số tiền gửi Ngân hàng, nhưng chị L kê khai cả phần nhà ở của cha mẹ anh U; đối với anh U, bản kê khai tài sản thu nhập năm 2014 ngoài việc kê khai số tiền gửi ngân hàng 880.000.000 đồng còn kê khai cả nhà ở của cha mẹ anh U và phần đất của cha mẹ chị L cho mượn. Do đó, xét lời trình bày của anh U cho rằng số tiền anh kê khai gửi ngân hàng 880.000.000 đồng có cả số tiền của cha mẹ, anh chị của anh nhờ anh đứng tên gửi giùm là có cơ sở. Như vậy, việc kê khai tài sản thu nhập hàng năm của chị L và anh U là không chính xác; việc xác định tài sản chung của anh chị không thể căn cứ vào bản kê khai tài sản thu nhập hàng năm mà phải căn cứ vào tài sản thực tế hiện có của anh chị. Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở xác định số tiền của chị L và anh U gửi tại Ngân hàng đến thời điểm anh chị ly hôn là 190.000.000 đồng; việc chị L xác định số tiền gửi ngân hàng 880.000.000 đồng là không có cơ sở.

[3] Đối với khoản tiền cho thuê đất, nuôi cá bống tượng và nuôi tôm anh U quản lý: Chị L xác định 100.000.000 đồng, anh U xác định 90.000.000 đồng, chị L không có chứng cứ chứng minh nên chấp nhận theo thừa nhận của anh U 90.000.000 đồng là phù hợp. Tại phiên tòa, anh U cho rằng số tiền này chi xài trong gia đình hết nhưng không có chứng cứ gì chứng minh, chị L cũng không thừa nhận; do đó việc anh U không đồng ý phân chia số tiền này là không có cơ sở.

[4] Xét thấy án sơ thẩm xác định tài sản chung của chị L và anh U đối với số tiền là 280.000.000 đồng và phân chia mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$ bằng 140.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Đối với yêu cầu của anh U yêu cầu xem xét lại về thời hạn cấp dưỡng nuôi con, thấy rằng: Sau khi bản án sơ thẩm đã tuyên, anh U không kháng cáo về phần này (chỉ có kháng cáo về phần tài sản), đến khi xét xử phúc thẩm phần quyết định này đã có hiệu lực pháp luật; do đó cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét.

[6] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L và anh U; giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm chị L và anh U phải chịu theo quy định pháp luật.

[8] Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết; có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Ngọc L và anh Nguyễn Văn U. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2017/HNGĐ-ST ngày 15/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Tuyên xử:

Về tài sản chung: Phân chia cho chị L được hưởng số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng), anh U có trách nhiệm giao cho chị L số tiền trên; anh U được hưởng số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng, anh Uđang quản lý.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị L và anh U mỗi người phải chịu 7.000.000 đồng. Ngày 28/6/2016 chị L đã dự nộp 11.600.000 đồng biên lai thu số 03450, đối trừ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và dân sự sơ thẩm chị L phải chịu, chị L được nhận lại 4.400.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị L và anh U mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ngày 28/11/2017 chị L đã dự nộp 300.000 đồng biên lai thu số 0018911 và ngày 29/11/2017 anh U đã dự nộp 300.000 đồng biên lai thu số 0018917 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập